|  |
| --- |
| *Ngày soạn:* **Tiết……ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:**  *Ngày dạy:* **Văn bản: TIẾNG CƯỜI CÓ LỢI ÍCH GÌ?**  **Theo O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn (Orison Swett Marden)** |

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

Kết nối chủ điểm: Kết nối văn bản với nội dung trong bài học, khơi sâu chủ điểm *Sắc thái của tiếng cười.* Qua đó, giúp HS:

- Liên hệ, kết nối với VB *Vắt cổ chày ra nước, May không đi giày, Khoe của* và *Con rắn vuông* để hiểu thêm về chủ điểm *Sắc thái của tiếng cười.*

- Rèn kĩ năng học hiểu VB nghị luận.

**2*.* Phẩm chất:** Nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Trò chơi “Ai nhanh hơn”

GV nêu luật chơi: Hs chia thành 2 đội chơi, mỗi đội 2 người, ghi đáp án ra bảng phụ. Trong 2 phút đội nào ghi được nhiều đáp án đúng hơn sẽ chiến thắng.

GV nêu câu hỏi: Em hãy liệt kê những tác dụng của tiếng cười đối với mỗi người và cuộc sống?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ suy nghĩ.

**Dự kiến sản phẩm:** giảm căng thẳng; xua tan mệt mỏi; trấn tĩnh trước âu lo; tạo nên mối quan hệ tốt đẹp với mọi người; tăng tuổi thọ; giảm huyết áp; giúp con người trẻ trung hơn; giúp con người nhiều tự tin và năng lượng hơn,...

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới:

*Thật vui khi chia sẻ một tràng cười sảng khoái, nhưng bạn có biết nó thực sự có thể cải thiện sức khỏe, củng cố các mối quan hệ, tìm thấy hạnh phúc lớn hơn của chúng ta không? Hãy khai thác những lợi ích của tiếng cười trong bài học ngày hôm nay nhé!*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm qua việc thực hiện các yêu cầu hoặc trả lời câu hỏi sau:  1. Hãy cho biết vài nét về tác giả văn bản, xuất xứ của văn bản.  2. Văn bản có xuất xứ từ , viết về đề tài gì?  3. Tác giả đã sử dụng thể loại và PTBĐ nào?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV mời 1 HS đọc VB.  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời, về thái độ làm việc khi thảo luận của HS.  - Chuẩn kiến thức. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  ***1.* *Tác giả*: O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn**  - Một tác giả truyền cảm hứng người Mỹ, nổi tiếng với các sách viết về chủ đề thành công, các bài thảo luận về nguyên tắc và đức tính làm nên cuộc sống thành công, viên mãn.  **2. Văn bản**  ***a. Xuất xứ và thời gian ra đời***  - Phần VB được trích từ *Bắt đầu mỗi ngày bằng nụ cười, ngay cả tăm tối cũng phải tươi rói,* Thanh Bình dịch, NXB Thanh niên, 2019.  ***b.  Đề tài:*** Lợi ích của tiếng cười.  ***c. Thể loại, phương thức biểu đạt:***  ***- Thể loại:*** Văn bản nghị luận.  - ***Phương thức biểu đạt chính:***Nghị luận. |

**2.2. Suy ngẫm và phản hồi**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP**  **Em hãy chỉ ra mối liên hệ giữa các luận đề, luận điểm lí lẽ, bằng chứng trong văn bản dựa vào sơ đồ sau:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: Tìm hiểu hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của VB**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận nhóm bàn, hoàn thành PHT:** Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Thảo luận theo nhóm bàn trong 5 phút.  - Chia sẻ với nhóm lớn/cả lớp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi một số đại diện các nhóm chia sẻ, trình bày kết quả.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **\* NV2: Tìm hiểu vai trò, lợi ích của tiếng cười**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **HĐ CÁ NHÂN:**  - Qua sơ đồ đã hoàn thành trong PHT trên, em hãy khái quát lại những lợi ích của tiếng cười mà VB đề cập đến.  - Em hiểu thế nào về câu ngạn ngữ ở cuối VB? Việc tác giả dùng câu ngạn ngữ này làm câu kết có ý nghĩa gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi 1 – 2 HS trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, bổ sung. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB**  **2. Tiếng cười có lợi ích gì?**  - Qua hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng đã khái quát, ta nhận thấy tiếng cười có một số lợi ích sau:  + Giúp cơ thể khỏe mạnh, phát triển tốt hơn.  + Là một “phương thuốc tốt” để trị liệu những căn bệnh tinh thần.  + Giúp gắn kết mọi người, mnag đến những điều tốt đẹp, hạnh phúc đến mọi người.  - Đặc biệt vai trò của tiếng cười còn thể hiện qua câu ngạn ngữ ở cuối VB: “*Nếu bạn hỏi đến số năm sống trên đời thì tôi hai mươi lăm tuổi, nhưng tính bằng những niềm vui, thì hẳn tôi phải trăm tuổi rưỡi”.*  => Niềm vui giúp cho cuộc sống của chúng ta có ý nghĩa hơn, đáng sống hơn, nâng cao chất lượng cuộc sống.  => Câu kết khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của tiếng cười đối với cuộc sống con người. |

**2.3. Hướng dẫn tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân. Yêu cầu HS:  Nêu những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.  - GV hướng theo dõi, quan sát hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1 -2 HS phát biểu.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**   GV nhận xét, bổ sung. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Bài viết nêu rõ vấn đề cần bàn luận.  - Luận điểm rõ ràng, góp phần làm sáng tỏ luận đề.  - Lí lẽ, bằng chứng cụ thể, thuyết phục giúp làm sáng tỏ luận điểm.  - Cách triển khai mạch lạc.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  Tầm quan trọng của tiếng cười trong cuộc sông của con người. Từ đó, hiểu thêm về vai trò, ý nghĩa của truyện cười trong cuộc sống. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**

**Nhiệm vụ:** **Trò chơi *“Tìm mật mã”***

Để mở được kho báu, chúng ta có bốn mật mã tương đương với bốn chiếc chìa khóa. Mỗi chiếc chìa khóa tương đương với 1 câu hỏi. Nhóm nào trả lời đúng, sẽ giải được mật mã và đến gần với kho báu. Các nhóm sẽ ghi câu trả lời ra bảng phụ trong vòng 5 giây sau khi đọc xong câu hỏi. Sau 4 câu hỏi, nhóm nào giải được nhiều mật mã hơn sẽ chiến thắng. Hãy là những nhà thông thái,dùng trí tuệ của mình để mở mang kho báu tri thức của mình nhé!

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ, tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS lần lượt trả lời câu hỏi mà GV đưa ra.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Tổng kết phần chơi và tuyên bố đội chiến thắng.

**Gợi ý nhóm câu hỏi:**

**Câu 1: Đáp án nào nêu đúng nhất vấn đề VB bàn luận?**

A. Cách để tạo ra tiếng cười trong đời sống.

B. Lợi ích của tiếng cười trong đời sống.

C. Chân dung những người luôn biết tạo ra tiếngc ười trong đời sống.

D. Tiếng cười tốt hơn các loại thuốc mà bác sĩ kê cho bệnh nhân.

***Đáp án: B***

**Câu 2:** Đáp án nào sau đây **không phải** là ý kiến của tác giả đưa ra trong VB?

A. Tiếng cười là yếu tố giúp cơ thể con người khỏe mạnh, phát triển tốt hơn.

B. Tiếng cười là một phương thức tốt để trị liệu những căn bệnh tinh thần.

C. Tiếng cười mang đến tinh thần hạnh phúc, gắn kết mọi người.

D. Tiếng cười giúp con người xua tan mệt mỏi, vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

***Đáp án: D***

**Câu 3:** Câu văn nào sau đây thể hiện bằng chứng khách quan trong VB?

A. Thật vậy, một thầy thuốc vui vẻ, tự họ còn giúp ích nhiều hơn những viên thuốc họ kê cho bệnh nhân.

B. Ở phía Tây Niu Oóc (New York), có một vị bác sĩ tên là Bơ – đích (Burdick)...lan truyền ra khắp xung quanh.

C. Vì vậy, điều quan trọng là phải giữ một trạng thái tinh thần tốt nhất, vui vẻ nhất.

D. Một nụ cười tươi dễ dàng tạo cảm giác và không khí thân thiện giữa mọi người, kéo những điều tốt đẹp, tươi sáng gần ta hơn.

***Đáp án: B***

**Câu 4:** Ý nào nói đúng về tác giả của VB Tiếng cười có lợi ích gì?

A. Một tác giả truyền cảm hứng người Mỹ

B. Một nhà thơ nổi tiếng người Anh

C. Một nhà thơ nổi tiếng người Xcốt-len

D. Một nghệ sĩ hài ở Mỹ

***Đáp án: A***

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

**Nhiệm vụ: Viết tích cực**

**Yêu cầu HS:** Theo em, làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta? Trả lời trong khoảng đoạn văn 5 – 7 dòng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, rồi viết đoạn văn.

- Giáo viên gợi ý học sinh về yêu cầu đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh báo cáo theo từng bước: Xác định đề - tìm ý- viết đoạn văn.

- Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

Học sinh đánh giá điểm bài viết theo **Rubrics (Phụ lục)**

**\* Rubrics đánh giá đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ). | **1** |
| Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng  của đoạn văn. | **0** |
| **Nội dung** | Giới thiệu vấn đề: làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta? | **1** |
| Nêu lên các biện pháp. Có thể tham khảo các ý sau:  + Làm việc tốt đẻ mang đến nụ cười cho người khốn khó.  + Đọc truyện cười, kể chuyện cười, pha trò để mang đến nụ cười giải trí, giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi, gắn kết mọi người lại với nhau.  + Tập mỉm cười với cuộc sống, trân trọng các giá trị cuộc sống.  + Rèn luyện suy nghĩ tích cực, lạc quan, yêu đời,... | **5** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **1** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện bài học nhận thức sâu sắc; có mối liên hệ so sánh với đời sống hiện tại. | **2** |

**\* Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã có sự truyền cảm đến người đọc chưa? Nếu chưa, hãy khắc phục.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

- Chuẩn bị: đọc, tìm hiểu bài *Thực hành tiếng Việt: Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn; từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương*